BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2013/NĐ-CP NGÀY 02 THÁNG 10 NĂM 2013 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ HOẠT ĐỘNG MỸ THUẬT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 410/2026/NĐ-CP

THÔNG TƯ SỐ 01/2018/TT-BVHTTDL	DỰ THẢO THÔNG TƯ	THUYẾT MINH
THÔNG TƯ SỐ 01/2018/TT-BVHTTDL NGÀY 18/01/2018 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2013/NĐ-CP NGÀY 02/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ HOẠT ĐỘNG MỸ THUẬT		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** Thông tư này quy định chi tiết các Điều 4, Điều 9, Điều 11, Điều 12, khoản 3 Điều 15, Điều 26, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 410/2026/NĐ-CP.	Sửa đổi phạm vi điều chỉnh: thu hẹp từ "một số điều" thành các Điều 4, 9, 11, 12, 26, 29, 30, 31 và khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 113/2013/NĐ-CP. Các Điều 4, 9, 11, 12, 26, 29, 30, 31 là các điều được giao hướng dẫn tại khoản 1 Điều 41 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP; khoản 3 Điều 15 là nội dung giao Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trường hợp phải thành lập Hội đồng, thành phần, tổ chức hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định cấp giấy phép triển lãm (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 5 Nghị định số 410/2026/NĐ-CP), làm căn cứ cho Điều 6 dự thảo. Đồng thời ghi

		nhận Nghị định số 113/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 410/2026/NĐ-CP. Lưu ý: khoản 2 Điều 10 dự thảo viện dẫn khoản 2 Điều 39 Nghị định (tác phẩm của trại sáng tác điêu khắc ngoài trời), điều này không có trong phạm vi nêu tại Điều 1 dự thảo.
Điều 2. Giải thích từ ngữ Một số từ ngữ tại Thông tư này được hiểu như sau: 1. Các hình thức nghệ thuật đương đại khác bao gồm: nghệ thuật sắp đặt (installation art); nghệ thuật hình ảnh động (video art); vẽ trên cơ thể người (body art); nghệ thuật trình diễn (performance art) và các hình thức nghệ thuật phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam. 2. Tác phẩm mỹ thuật bao gồm: Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, các hình thức nghệ thuật đương đại, tác phẩm mỹ thuật có nội dung tôn giáo, tác phẩm mỹ thuật đặt trong khuôn viên của tổ chức, cá nhân tác động trực tiếp đến môi trường xung quanh. 3. Phù điêu là tác phẩm điêu khắc được thể hiện trên bề mặt không gian hai chiều bởi độ chạm khắc khối nổi, nông, sâu hoặc trổ thủng. 4. Đài, khối biểu tượng là tác phẩm điêu khắc có tính biểu tượng cao.	*(Không quy định)*	Dự thảo không kế thừa Điều 2 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL vì các nội dung giải thích từ ngữ không thuộc các điều được giao hướng dẫn tại khoản 1 Điều 41 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP. Quy mô cuộc thi nay được xác định theo Điều 10 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 410/2026/NĐ-CP): quy mô quốc gia, khu vực và quốc tế do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý; quy mô cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý. Do đó dự thảo không còn dùng khái niệm "quy mô toàn quốc" và các định nghĩa quy mô tại khoản 5, 6, 7 Điều 2 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL.

5. Cuộc thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật, triển lãm mỹ thuật có quy mô toàn quốc là cuộc thi, triển lãm do Bộ, Ban, Ngành, đoàn thể Trung ương chủ trì hoặc đồng chủ trì tổ chức. 6. Cuộc thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật, triển lãm mỹ thuật có quy mô khu vực là cuộc thi, triển lãm do Bộ, Ban, Ngành, đoàn thể Trung ương hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì hoặc đồng chủ trì tổ chức có sự tham gia của ít nhất 02 tỉnh, thành phố trở lên. 7. Cuộc thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật, triển lãm mỹ thuật có quy mô cấp tỉnh là cuộc thi, triển lãm do cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức. 8. Bản sao tác phẩm mỹ thuật là bản sao chép toàn bộ tác phẩm mỹ thuật, có kích thước lớn hơn hoặc nhỏ hơn tác phẩm gốc, có ghi chữ "bản sao" và các thông tin vào mặt sau tác phẩm: tên tác giả, tên tác phẩm, chất liệu, năm sáng tác tác phẩm gốc, tên người sao chép, ngày, tháng, năm sao chép.		
	Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động mỹ thuật tại Việt Nam.	Bổ sung mới: Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL không có quy định về đối tượng áp dụng. Quy định này xác định đối tượng chịu sự điều chỉnh của Thông tư là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động mỹ thuật tại Việt Nam.

Điều 3. Chính sách của Nhà nước về phát triển mỹ thuật Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện các chính sách của Nhà nước về phát triển mỹ thuật.	**Điều 3. Chính sách của Nhà nước về phát triển mỹ thuật** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện các chính sách của Nhà nước về phát triển mỹ thuật.	Giữ nguyên nội dung Điều 3 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL (đã đối chiếu từng chữ). Điều 4 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP về chính sách của Nhà nước về phát triển mỹ thuật là điều được giao hướng dẫn. Lưu ý: Điều 3 dự thảo chỉ nêu trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách, chưa quy định chi tiết nội dung nào của Điều 4 Nghị định.
Điều 4. Đối tượng tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật Đối tượng tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP bao gồm: 1. Các Bộ (Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ), Ban, Ngành, Đoàn thể Trung ương; 2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan đơn vị trực thuộc có chức năng hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; 3. Các Hội Văn học nghệ thuật; 4. Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa, Thể thao; 5. Doanh nghiệp có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, văn hóa nghệ thuật; 6. Các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật; 7. Các tổ chức, cá nhân Việt Nam có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật,	**Điều 4. Đối tượng tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật** 1. Đối tượng tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP bao gồm: a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương; b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan đơn vị trực thuộc có chức năng hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; c) Các Hội Văn học nghệ thuật trung ương và địa phương; d) Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa, Thể thao; đ) Doanh nghiệp có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, văn hóa nghệ thuật; e) Các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật; g) Các tổ chức, cá nhân Việt Nam có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật,	Kế thừa Điều 4 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL, chuyển danh mục từ số thứ tự (1, 2, 3...) sang điểm (a, b, c...) theo thể thức văn bản quy phạm pháp luật. Chỉnh sửa: (1) điểm a: cụm "Các Bộ (Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ), Ban, Ngành, Đoàn thể Trung ương" được viết lại thành "Bộ, cơ quan ngang Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương" (không còn "cơ quan thuộc Chính phủ"); (2) điểm c: "Các Hội Văn học nghệ thuật" được bổ sung "trung ương và địa phương" (nội dung mới so với Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL). Cơ sở: khoản 1 Điều 9 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP (tổ chức, cá nhân Việt Nam có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, văn hóa nghệ thuật theo quy định của pháp luật).

văn hóa nghệ thuật theo quy định của pháp luật.	văn hóa nghệ thuật theo quy định của pháp luật.	
Điều 5. Phối hợp tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật Các tổ chức, cá nhân không có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, văn hóa nghệ thuật khi tổ chức, cuộc thi sáng tác mỹ thuật phải phối hợp với các đơn vị quy định tại Điều 4 tại Thông tư này.	2. Các tổ chức, cá nhân không có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, văn hóa nghệ thuật khi tổ chức cuộc thi sáng tác mỹ thuật phải phối hợp với các đơn vị quy định tại khoản 1 Thông tư này.	Chuyển nguyên nội dung Điều 5 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL thành khoản 2 Điều 4 dự thảo (bỏ tên điều riêng); sửa "khi tổ chức, cuộc thi" thành "khi tổ chức cuộc thi" và "Điều 4 tại Thông tư này" thành "khoản 1 Thông tư này". Cơ sở: khoản 2 Điều 9 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP. Lưu ý: (1) khoản 2 Điều 9 Nghị định chỉ quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phải phối hợp với cơ quan, tổ chức Việt Nam có chức năng; việc yêu cầu tổ chức, cá nhân trong nước không có chức năng phải phối hợp là quy định kế thừa từ Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL; (2) cụm "khoản 1 Thông tư này" thiếu "Điều 4", cần viết "khoản 1 Điều này".
Điều 6. Thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật 1. Việc thông báo bằng văn bản về tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP thực hiện theo quy định sau: a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam có nhu cầu tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật quy mô toàn quốc, khu vực phải gửi thông báo bằng văn bản và hồ sơ thông báo theo quy	**Điều 5. Thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật**	Dự thảo không còn quy định việc tiếp nhận thông báo như khoản 1 Điều 6 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận đối với cuộc thi quy mô toàn quốc, khu vực; Sở tiếp nhận đối với cuộc thi cấp tỉnh). Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận thông báo đã được xác định trực tiếp tại khoản 1 Điều 11, Điều 10 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 410/2026/NĐ-CP): Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý cuộc thi quy mô quốc gia,

định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm). b) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật quy mô cấp tỉnh, phải gửi thông báo bằng văn bản và hồ sơ thông báo theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao.		khu vực và quốc tế; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý cuộc thi quy mô cấp tỉnh. Điều 6 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL tương ứng Điều 5 dự thảo.
2. Nội dung thông báo phải nêu rõ: tên, chủ đề cuộc thi, địa điểm, thời gian tổ chức cuộc thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật. Trường hợp phối hợp với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế; tổ chức cuộc thi sáng tác tác phẩm tại Việt Nam, Văn bản thông báo phải nêu rõ tên, địa chỉ, số điện thoại của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phối hợp tổ chức thi. 3. Đề án tổ chức, thể lệ cuộc thi quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Đề án tổ chức cuộc thi: - Tên hoặc chủ đề cuộc thi; - Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi; - Cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng (nếu có);	1. Đề án tổ chức theo quy định tại Mẫu số 01 kèm theo Thông tư này. 2. Thể lệ cuộc thi theo quy định tại Mẫu số 02 kèm theo Thông tư này.	Thay việc mô tả nội dung đề án và thể lệ cuộc thi (khoản 3 Điều 6 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL) bằng biểu mẫu tại Phụ lục: đề án theo Mẫu số 01, thể lệ theo Mẫu số 02. Đề án, thể lệ là thành phần hồ sơ thông báo theo điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP. Lưu ý: (1) khoản 2 Điều 6 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL (nội dung văn bản thông báo) không còn được quy định trong Điều 5, trong khi khoản 1 Điều 11 Nghị định yêu cầu thông báo bằng văn bản; danh mục Phụ lục không còn mẫu văn bản thông báo (xem hàng Phụ lục); (2) đánh số Mẫu trong Điều 5 theo danh mục mới của Phụ lục (Mẫu số 01, 02).

- Trách nhiệm và quyền lợi của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi, người dự thi; - Thành phần Ban Chỉ đạo (nếu có), Ban Tổ chức, Hội đồng nghệ thuật hoặc Ban giám khảo; - Nguồn kinh phí tổ chức cuộc thi; - Mẫu phiếu đăng ký tham dự cuộc thi. b) Thể lệ cuộc thi phải quy định rõ đối tượng tham dự, điều kiện, tiêu chí, nội dung, trình tự tổ chức, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc thi.		
Điều 7. Trách nhiệm báo cáo kết quả cuộc thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật Trách nhiệm báo cáo kết quả cuộc thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP thực hiện theo quy định sau: 1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi phải gửi báo cáo kết quả cuộc thi bằng văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm) đối với cuộc thi quy mô toàn quốc, khu vực hoặc cuộc thi có sự phối hợp tổ chức của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế; đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao đối với cuộc thi quy mô cấp tỉnh.	*(Không quy định)*	Dự thảo không kế thừa Điều 7 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL (trách nhiệm báo cáo kết quả cuộc thi). Việc gửi báo cáo kết quả cuộc thi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được quy định trực tiếp tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP; nội dung báo cáo chi tiết tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL (tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức, số lượng người tham gia thi, số lượng tác phẩm dự thi, kết quả giải thưởng) không còn trong dự thảo. Khoản 2 Điều 12 là nội dung thuộc Điều 12 được giao hướng dẫn.

2. Báo cáo kết quả cuộc thi phải nêu rõ các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức số lượng người tham gia thi; số lượng tác phẩm dự thi và kết quả giải thưởng (nếu có).		
Điều 8. Tổ chức thi sáng tác mẫu phác thảo tượng đài, tranh hoành tráng 1. Chủ đầu tư công trình tượng đài, tranh hoành tráng tổ chức thi sáng tác mẫu phác thảo có trách nhiệm: a) Xây dựng đề án tổ chức, thể lệ cuộc thi trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt. Nội dung đề án, thể lệ cuộc thi thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư này. b) Đề án cuộc thi phải quy định rõ nhiệm vụ, quyền lợi, trách nhiệm tác giả dự thi, kinh phí đầu tư sáng tác bước một và bước hai của tác giả. c) Thể lệ cuộc thi hoặc tuyển chọn phải nêu rõ: + Quy hoạch không gian mặt bằng tổng thể, dự kiến quy mô, chất liệu; + Chủ đề và nội dung; + Hình thức nghệ thuật: (tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng, tượng đài và phù điêu, đài và khối biểu tượng); + Yêu cầu cụ thể mẫu phác thảo dự thi bước một và bước hai: Số lượng mẫu phác thảo	**Điều 7. Tổ chức thi sáng tác mẫu phác thảo tượng đài, tranh hoành tráng** 1. Chủ đầu tư công trình tượng đài, tranh hoành tráng tổ chức thi sáng tác mẫu phác thảo có trách nhiệm: a) Xây dựng đề án tổ chức, thể lệ cuộc thi trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt. Đề án cuộc thi, thể lệ cuộc thi theo quy định tại Mẫu số 04, Mẫu số 05 kèm theo Thông tư này. b) Tổ chức cuộc thi sáng tác mẫu phác thảo tượng đài, tranh hoành tráng theo đúng đề án được phê duyệt. c) Tổ chức việc thu nhận, bảo quản các mẫu phác thảo dự thi. d) Tổ chức Hội đồng Nghệ thuật tuyển chọn mẫu phác thảo. đ) Tổ chức lấy ý kiến bằng các hình thức trưng bày, hội thảo, triển lãm (nếu cần thiết). 2. Việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của Hội đồng nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 6 Nghị định số 410/2026/NĐ-CP.	Kế thừa Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL với các thay đổi: (1) điểm a khoản 1: nội dung đề án, thể lệ cuộc thi (trước đây tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 8 và khoản 3 Điều 6) được thực hiện theo mẫu tại Phụ lục; (2) các khoản 4, 5, 6, 7 chuyển thành điểm b, c, d, đ khoản 1 (bỏ chữ "thấy" trong "nếu thấy cần thiết"); (3) khoản 2: thay vì quy định dự kiến thành viên trình cấp có thẩm quyền, dự thảo viện dẫn Điều 23 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 6 Nghị định số 410/2026/NĐ-CP về thành lập, chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của Hội đồng nghệ thuật; (4) khoản 3: thay vì dẫn chiếu Điều 11 Nghị định và Điều 6 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL, dự thảo quy định trình tự, thủ tục thông báo riêng (điểm a đến điểm d). Cơ sở: khoản 4 Điều 12, Điều 11 và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP (sáng tác và xét chọn mẫu phác thảo; điểm d dự thảo viện dẫn Điều 24 đúng nội dung này). Đối chiếu khoản 3 Điều 7 dự thảo với khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định (được sửa đổi, bổ sung): (a) hồ sơ gửi 01 bộ, gồm đề án và

dự thi của mỗi tác giả, nhóm tác giả; kích thước, chất liệu, bản vẽ phối cảnh. 2. Dự kiến thành viên Hội đồng nghệ thuật trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định thành lập Hội đồng nghệ thuật theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP. 3. Thực hiện thủ tục thông báo tổ chức thi sáng tác mẫu phác thảo tượng đài, tranh hoành tráng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP. 4. Tổ chức cuộc thi sáng tác mẫu phác thảo tượng đài, tranh hoành tráng theo đúng đề án được phê duyệt. 5. Tổ chức việc thu nhận, bảo quản các mẫu phác thảo dự thi. 6. Tổ chức Hội đồng Nghệ thuật tuyển chọn mẫu phác thảo. 7. Tổ chức lấy ý kiến bằng các hình thức trưng bày, hội thảo, triển lãm (nếu thấy cần thiết).	3. Trình tự, thủ tục thông báo tổ chức thi sáng tác mẫu phác thảo tượng đài, tranh hoành tráng thực hiện như sau: a) Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ thông báo tổ chức cuộc thi sáng tác mẫu phác thảo tượng đài, tranh hoành tráng đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 30 ngày trước ngày dự kiến tổ chức cuộc thi. b) Hồ sơ thông báo bao gồm: b1) Đề án tổ chức cuộc thi theo quy định tại Mẫu số 03 kèm theo Thông tư này. b2) Thể lệ cuộc thi theo quy định tại Mẫu số 04 kèm theo Thông tư này. c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và có văn bản trả lời về việc tổ chức cuộc thi; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản đề nghị chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. d) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ thông báo; việc xây dựng, trình phê duyệt đề án, thể lệ cuộc thi và tổ chức cuộc thi theo đúng nội dung đã được phê duyệt, bảo đảm việc tuyển chọn mẫu phác thảo thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.	thể lệ – phù hợp; (b) thời hạn gửi hồ sơ: dự thảo "chậm nhất 30 ngày trước ngày dự kiến tổ chức", Nghị định "chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức cuộc thi"; (c) thời hạn trả lời: dự thảo "07 ngày làm việc", Nghị định "05 ngày làm việc"; (d) nơi gửi: dự thảo chỉ nêu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong khi Điều 10 Nghị định phân cấp theo quy mô (Bộ: quốc gia, khu vực, quốc tế; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: cấp tỉnh); (e) dự thảo bổ sung thủ tục yêu cầu bổ sung hồ sơ, không có trong Nghị định. Các điểm (b), (c) khác với số ngày trong Nghị định, cần cân nhắc khi quy định riêng. Lưu ý: (1) điểm a khoản 1 vẫn dẫn "Mẫu số 04, Mẫu số 05", trong khi điểm b khoản 3 dẫn Mẫu số 03 (đề án), Mẫu số 04 (thể lệ) theo danh mục Phụ lục mới; (2) điều khoản về "Thủ tục thông báo" (điểm d khoản 3) nêu cả trách nhiệm xây dựng, phê duyệt đề án, thể lệ, trùng với điểm a, b khoản 1; (3) cách đánh số "a1)", "b1)" không đúng thể thức (điểm, tiết); (4) Điều 23 Nghị định không thuộc các điều được giao hướng dẫn, khoản 2 chỉ dẫn chiếu.

Điều 9. Thẩm quyền cấp giấy phép 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền cho Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật có quy mô toàn quốc, khu vực, quốc tế do các Bộ, Ban, Ngành, cơ quan Trung ương tổ chức. 2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp giấy phép xây dựng các công trình tượng đài, công trình mỹ thuật ngoài trời. Căn cứ vào quy mô, nội dung của công trình, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép. 3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao cấp phép các triển lãm mỹ thuật không thuộc Khoản 1 Điều này. 4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật cho các đơn vị tại địa phương.	*(Không quy định)*	Dự thảo không kế thừa Điều 9 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL (thẩm quyền cấp giấy phép). Thẩm quyền cấp giấy phép triển lãm đã được quy định trực tiếp tại Điều 14 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định số 410/2026/NĐ-CP); Điều 14 không thuộc các điều được giao hướng dẫn tại Điều 41 Nghị định. Do bỏ Điều 9 nên bỏ cả khoản 3 Điều 11 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL viện dẫn phân cấp tại Điều 9.
	Điều 6. Hội đồng tư vấn thẩm định cấp phép triển lãm 1. Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định cấp giấy phép triển lãm: a) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật thành lập Hội đồng tư	Quy định mới, không có trong Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL. Cơ sở: khoản 3 Điều 15 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 5 Nghị định số 410/2026/NĐ-CP): Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

	vấn thẩm định trong các trường hợp sau đây: a1) Triển lãm có tác phẩm có dấu hiệu vi phạm Điều 8 của Nghị định 113/2013/NĐ-CP thì cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng để tư vấn trước khi cấp hoặc không cấp giấy phép. a2) Triển lãm có tác phẩm có nội dung, ý nghĩa biểu đạt phức tạp, chưa rõ ràng hoặc có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau liên quan đến các vấn đề về lịch sử, chính trị, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc cần được xem xét, đánh giá chuyên sâu về chuyên môn mỹ thuật trước khi cấp hoặc không cấp giấy phép. b) Số lượng thành viên Hội đồng là số lẻ, từ 05 thành viên trở lên. c) Ủy viên Hội đồng là người có am hiểu chuyên môn về nội dung triển lãm; là đại diện cơ quan quản lý nhà nước của lĩnh vực được triển lãm; đại diện tổ chức nghề nghiệp hoặc tổ chức khác có hoạt động chuyên môn liên quan đến nội dung triển lãm hoặc chuyên gia hoạt động độc lập. 2. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn thẩm định: a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc công khai, dân chủ, bình đẳng, quyết định theo đa số; thực hiện theo quy chế, tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép ban	quy định trường hợp phải thành lập Hội đồng, thành phần, tổ chức hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định cấp giấy phép triển lãm. Điểm a khoản 1 nay quy định hai trường hợp phải thành lập Hội đồng: (a1) triển lãm có tác phẩm có dấu hiệu vi phạm Điều 8 Nghị định (Điều 8 quy định những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động mỹ thuật – dẫn chiếu phù hợp); (a2) triển lãm có tác phẩm có nội dung, ý nghĩa biểu đạt phức tạp, chưa rõ ràng hoặc có thể hiểu theo nhiều cách liên quan đến lịch sử, chính trị, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc. Nghị định và Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL không có thông tin về các trường hợp này nên đây là nội dung mới của dự thảo. Nội dung khoản 2 (nguyên tắc làm việc, phiên họp hợp lệ trên 2/3, quyết định trên 1/2, quyền bảo lưu ý kiến) được xây dựng tương tự khoản 3 Điều 23 Nghị định về Hội đồng nghệ thuật. Số lượng thành viên (số lẻ, từ 05 trở lên), thành phần ủy viên và kinh phí hoạt động (khoản 1, 3) chưa có căn cứ trong Nghị định hay Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL; riêng kinh phí hoạt động có thể vượt phạm vi "thành phần, tổ chức hoạt động" được giao. Lưu ý: cách đánh số "a1)", "a2)" không đúng thể thức (điểm, tiết).

	hành và các quy định khác của pháp luật có liên quan; b) Phiên họp hợp lệ của Hội đồng phải có trên 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự; quyết định của Hội đồng có giá trị khi được trên 1/2 tổng số thành viên Hội đồng đồng ý; các thành viên Hội đồng có quyền bảo lưu ý kiến nhưng phải tuân thủ kết luận của Hội đồng. 3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định được bố trí trong ngân sách hàng năm của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép triển lãm; theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và định mức chi theo quy định của pháp luật.	
Điều 10. Lập dự toán và thẩm định dự toán phần mỹ thuật Việc lập dự toán và thẩm định dự toán phần mỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP và các quy định sau: 1. Dự toán phần mỹ thuật công trình tượng đài, tranh hoành tráng được lập theo định mức ngành mỹ thuật do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành và theo các quy định, hướng dẫn khác có liên quan. 2. Thẩm định dự toán phần mỹ thuật công trình tượng đài, tranh hoành tráng: a) Căn cứ lập và thẩm định dự toán:	**Điều 8. Lập dự toán và thẩm định dự toán phần mỹ thuật** Việc lập dự toán và thẩm định dự toán phần mỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP và các quy định sau: 1. Dự toán phần mỹ thuật công trình tượng đài, tranh hoành tráng được lập theo định mức ngành mỹ thuật do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành và theo các quy định, hướng dẫn khác có liên quan. 2. Thẩm định dự toán phần mỹ thuật công trình tượng đài, tranh hoành tráng: a) Căn cứ lập và thẩm định dự toán:	Giữ nguyên nội dung Điều 10 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL, chuyển thành Điều 8 dự thảo; chỉ sửa lỗi chính tả "điều nay" thành "điều này". Cơ sở: Điều 26 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP. Lưu ý: khoản 8 Điều 26 Nghị định quy định việc thẩm định dự toán tượng đài, tranh hoành tráng thực hiện theo pháp luật về đầu tư xây dựng; các quy định chi tiết về thẩm định tại khoản 2 Điều 8 dự thảo (Hội đồng thẩm định, hồ sơ, thời hạn 20 ngày, trách nhiệm) cần rà soát với quy định này và pháp luật về đầu tư xây dựng hiện hành. Điều 29 Nghị định (giám sát, chỉ đạo nghệ thuật tượng đài, tranh hoành tráng) được nêu

- Theo bố cục mẫu phác thảo được duyệt; - Theo quy mô và chất liệu của công trình tượng đài, tranh hoành tráng; - Theo định mức ngành mỹ thuật và các quy định khác có liên quan. b) Lập và thẩm định dự toán: - Tổ chức tư vấn hoặc tác giả được chủ đầu tư ủy quyền lập dự toán; - Chủ đầu tư tổ chức thẩm định dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực tổ chức thẩm định dự toán thì có quyền thuê tư vấn có chức năng thẩm định giá để thẩm định dự toán. Chi phí thẩm định thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; - Chủ đầu tư hoặc các đơn vị có chức năng thẩm định giá thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định dự toán. Hội đồng thẩm định phải có 1/3 số thành viên là nhà điêu khắc, họa sĩ có kinh nghiệm về xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng, 2/3 số thành viên là các chuyên gia về tài chính, kinh tế, xây dựng có chứng chỉ hành nghề định giá. - Hồ sơ thẩm định dự toán gồm: + Dự toán phần mỹ thuật có xác nhận của chủ đầu tư; + 04 ảnh mẫu phác thảo bước hai đã được phê duyệt kích thước 18x24 cm chụp bốn hướng (chính diện, bên phải, bên trái, phía sau);	- Theo bố cục mẫu phác thảo được duyệt; - Theo quy mô và chất liệu của công trình tượng đài, tranh hoành tráng; - Theo định mức ngành mỹ thuật và các quy định khác có liên quan. b) Lập và thẩm định dự toán: - Tổ chức tư vấn hoặc tác giả được chủ đầu tư ủy quyền lập dự toán; - Chủ đầu tư tổ chức thẩm định dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực tổ chức thẩm định dự toán thì có quyền thuê tư vấn có chức năng thẩm định giá để thẩm định dự toán. Chi phí thẩm định thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; - Chủ đầu tư hoặc các đơn vị có chức năng thẩm định giá thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định dự toán. Hội đồng thẩm định phải có 1/3 số thành viên là nhà điêu khắc, họa sĩ có kinh nghiệm về xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng, 2/3 số thành viên là các chuyên gia về tài chính, kinh tế, xây dựng có chứng chỉ hành nghề định giá. - Hồ sơ thẩm định dự toán gồm: + Dự toán phần mỹ thuật có xác nhận của chủ đầu tư; + 04 ảnh mẫu phác thảo bước hai đã được phê duyệt kích thước 18x24 cm chụp bốn hướng (chính diện, bên phải, bên trái, phía sau);	tại Điều 1 dự thảo và được giao hướng dẫn tại khoản 1 Điều 41 Nghị định, nhưng cả Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL và dự thảo hiện chưa có quy định chi tiết.

+ Bản sao các văn bản có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng. - Nội dung thẩm định dự toán: Thẩm định các chi phí nhân công, chi phí vật liệu, chi phí máy móc, thiết bị, động lực theo định mức ngành mỹ thuật do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành; chi phí vận chuyển xếp dỡ lắp đặt và các chi phí khác theo quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; Đối với các chi phí chưa có định mức thì được áp dụng theo giá phổ biến trên thị trường tại thời điểm thẩm định; - Thời gian thẩm định không quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn thẩm định nhận đủ hồ sơ theo khoản 2 điều nay; - Tổ chức cá nhân thẩm định dự toán phần mỹ thuật phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định do mình thực hiện.	+ Bản sao các văn bản có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng. - Nội dung thẩm định dự toán: Thẩm định các chi phí nhân công, chi phí vật liệu, chi phí máy móc, thiết bị, động lực theo định mức ngành mỹ thuật do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành; chi phí vận chuyển xếp dỡ lắp đặt và các chi phí khác theo quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; Đối với các chi phí chưa có định mức thì được áp dụng theo giá phổ biến trên thị trường tại thời điểm thẩm định; - Thời gian thẩm định không quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn thẩm định nhận đủ hồ sơ theo khoản 2 điều này; - Tổ chức cá nhân thẩm định dự toán phần mỹ thuật phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về kết quả thẩm định do mình thực hiện.	
Điều 11. Thi công và nghiệm thu, bàn giao công trình tượng đài, tranh hoành tráng 1. Việc thi công thể hiện tượng đài, tranh hoành tráng quy định tại Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP thực hiện theo quy định sau:	**Điều 9. Thi công và nghiệm thu, bàn giao công trình tượng đài, tranh hoành tráng** 1. Việc thi công thể hiện tượng đài, tranh hoành tráng quy định tại Điều 30 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 8 Nghị định số 410/2026/NĐ-CP thực hiện như sau:	Kế thừa Điều 11 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL; chỉnh sửa: (1) viện dẫn Điều 30 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 8 Nghị định số 410/2026/NĐ-CP (bỏ chỉ dẫn khoản 1, khoản 2); (2) điểm a khoản 2: chủ đầu tư ra quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu (bỏ "cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu

a) Đơn vị thi công căn cứ mẫu phác thảo đã được duyệt tiến hành thể hiện mẫu tỷ lệ 1/1; b) Mẫu tỷ lệ 1/1 phải đảm bảo khung cốt chịu lực, tạo hình cơ bản của mẫu phác thảo; c) Mẫu tỷ lệ 1/1 phải được Hội đồng nghệ thuật nghiệm thu trước khi thực hiện các bước tiếp theo; d) Tác phẩm trước khi lắp đặt tại địa điểm xây dựng phải thể hiện đúng mẫu tỷ lệ 1/1 và phải được Hội đồng nghệ thuật nghiệm thu. 2. Việc nghiệm thu công trình tượng đài, tranh hoành tráng quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP thực hiện theo quy định sau: a) Đối tượng tham gia nghiệm thu phần mỹ thuật: Cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư ra quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu. Thành phần tham gia Hội đồng nghiệm thu bao gồm: - Đại diện cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư; - Đơn vị giám sát thi công; - Đơn vị tư vấn thiết kế; - Đơn vị thi công; - Hội đồng nghệ thuật; - Tác giả hoặc nhóm tác giả:	a) Đơn vị thi công căn cứ mẫu phác thảo đã được duyệt tiến hành thể hiện mẫu tỷ lệ 1/1; b) Mẫu tỷ lệ 1/1 phải đảm bảo khung cốt chịu lực, tạo hình cơ bản của mẫu phác thảo; c) Mẫu tỷ lệ 1/1 phải được Hội đồng nghệ thuật nghiệm thu trước khi thực hiện các bước tiếp theo; d) Tác phẩm trước khi lắp đặt tại địa điểm xây dựng phải thể hiện đúng mẫu tỷ lệ 1/1 và phải được Hội đồng nghệ thuật nghiệm thu. 2. Việc nghiệm thu công trình tượng đài, tranh hoành tráng quy định tại Điều 30 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 8 Nghị định số 410/2026/NĐ-CP thực hiện như sau: a) Đối tượng tham gia nghiệm thu phần mỹ thuật: Chủ đầu tư ra quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu. Thành phần tham gia Hội đồng nghiệm thu bao gồm: - Đại diện cơ quan quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng cấp quốc gia và cấp tỉnh; - Đại diện cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư; - Đơn vị giám sát thi công;	tư"); (3) bổ sung thành phần Hội đồng nghiệm thu: "Đại diện cơ quan quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng cấp quốc gia và cấp tỉnh" (nội dung mới, chưa có thông tin về căn cứ cấp công trình). Cơ sở: khoản 1 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung): Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định thành phần, tổ chức hoạt động Hội đồng nghiệm thu. Lưu ý: dự thảo đánh số Điều 9 rồi Điều 10 liên tục; Điều 11 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL tương ứng Điều 9 dự thảo.

b) Các căn cứ để nghiệm thu: - Đề án hoặc Dự án và các tài liệu liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Biên bản nghiệm thu các bước thi công mỹ thuật của Hội đồng nghệ thuật. c) Quy trình nghiệm thu: - Hội đồng nghiệm thu đánh giá chất lượng hạng mục mỹ thuật; - Hội đồng nghiệm thu họp thảo luận và biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín với 2/3 số phiếu đồng ý trở lên thì được thông qua nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng phần mỹ thuật. Kết luận nghiệm thu phải lập thành biên bản có chữ kí của các thành viên tham gia cuộc họp nghiệm thu. d) Tiêu chí đánh giá chất lượng nghệ thuật: - Loại A: là các hạng mục mỹ thuật đạt chất lượng nghệ thuật được Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao; - Loại B: Là các hạng mục mỹ thuật được hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt chất lượng nghệ thuật trung bình; - Loại C: Không đạt chất lượng nghệ thuật, không nghiệm thu.	- Đơn vị tư vấn thiết kế; - Đơn vị thi công; - Hội đồng nghệ thuật; - Tác giả hoặc nhóm tác giả: b) Các căn cứ để nghiệm thu: - Đề án hoặc Dự án và các tài liệu liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Biên bản nghiệm thu các bước thi công mỹ thuật của Hội đồng nghệ thuật. c) Quy trình nghiệm thu: - Hội đồng nghiệm thu đánh giá chất lượng hạng mục mỹ thuật; - Hội đồng nghiệm thu họp thảo luận và biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín với 2/3 số phiếu đồng ý trở lên thì được thông qua nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng phần mỹ thuật. Kết luận nghiệm thu phải lập thành biên bản có chữ kí của các thành viên tham gia cuộc họp nghiệm thu. d) Tiêu chí đánh giá chất lượng nghệ thuật: - Loại A: là các hạng mục mỹ thuật đạt chất lượng nghệ thuật được Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao; - Loại B: Là các hạng mục mỹ thuật được hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt chất lượng nghệ thuật trung bình; - Loại C: Không đạt chất lượng nghệ thuật, không nghiệm thu.	

3. Chủ đầu tư gửi báo cáo kết quả về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Mỹ thuật Nhiếp ảnh và Triển lãm) và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa Thể thao theo phân cấp quy định tại Điều 9 Thông tư này.	*(Không quy định)*	Bỏ khoản 3 Điều 11 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL. Việc báo cáo kết quả nghiệm thu nay được quy định trực tiếp tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 410/2026/NĐ-CP): chủ đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đồng thời khoản này viện dẫn phân cấp tại Điều 9 Thông tư (đã bỏ).
Điều 12. Bảo hành, bảo quản và quản lý công trình tượng đài, tranh hoành tráng và tác phẩm của trại sáng tác điêu khắc ngoài trời 1. Thời gian bảo hành công trình tượng đài, tranh hoành tráng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP là 12 tháng. Nhà thầu thi công phần mỹ thuật có trách nhiệm nộp tiền bảo hành vào tài khoản của chủ đầu tư với mức 5% giá trị hợp đồng thi công phần mỹ thuật và được chủ đầu tư hoàn trả tiền bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành. 2. Thời gian bảo quản, bảo dưỡng định kỳ công trình tượng đài, tranh hoành tráng và tác phẩm của trại sáng tác điêu khắc ngoài trời quy định tại Khoản 2 Điều 31 và Khoản	**Điều 10. Bảo hành, bảo quản và quản lý công trình tượng đài, tranh hoành tráng và tác phẩm của trại sáng tác điêu khắc ngoài trời** 1. Thời gian bảo hành công trình tượng đài, tranh hoành tráng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP là 12 tháng. Nhà thầu thi công phần mỹ thuật có trách nhiệm nộp tiền bảo hành vào tài khoản của chủ đầu tư với mức 5% giá trị hợp đồng thi công phần mỹ thuật và được chủ đầu tư hoàn trả tiền bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành. 2. Thời gian bảo quản, bảo dưỡng định kỳ công trình tượng đài, tranh hoành tráng và tác phẩm của trại sáng tác điêu khắc ngoài trời quy định tại khoản 2 Điều 31 và Khoản	Kế thừa Điều 12 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL, chuyển thành Điều 10 dự thảo; chỉ chỉnh cách viết hoa "điểm", "khoản" ở một số chỗ và bỏ khoản 3 (trách nhiệm của cơ quan tổ chức sở hữu hoặc được giao quản lý công trình, tác phẩm). Cơ sở: Điều 31 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP. Nghị định không quy định cụ thể thời gian bảo hành (12 tháng), mức tiền bảo hành (5% giá trị hợp đồng) và chu kỳ bảo quản, bảo dưỡng (06 tháng, 01 năm); các nội dung này do Thông tư quy định chi tiết và được kế thừa nguyên từ Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL. Lưu ý: (1) tên Điều 10 và khoản 2 có nội dung về "tác phẩm của trại sáng tác điêu khắc ngoài trời" (khoản 2 Điều 39 Nghị định), không thuộc các điều được giao hướng dẫn; (2) sau khi bỏ khoản 3, tên điều vẫn có cụm "quản lý"; khoản 3 Điều 31

2 Điều 39 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP là 06 tháng đối với tác phẩm bằng chất liệu đồng hoặc các kim loại khác, 01 năm đối với tác phẩm bằng chất liệu đá, bê tông và các chất liệu khác. 3. Cơ quan tổ chức sở hữu hoặc được giao quản lý công trình tượng đài, tranh hoành tráng và tác phẩm của trại sáng tác điêu khắc có trách nhiệm tổ chức bảo vệ khai thác và phát huy hiệu quả giá trị sử dụng, ý nghĩa nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật của công trình tượng đài, tranh hoành tráng và tác phẩm của trại sáng tác điêu khắc.	2 Điều 39 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP là 06 tháng đối với tác phẩm bằng chất liệu đồng hoặc các kim loại khác, 01 năm đối với tác phẩm bằng chất liệu đá, bê tông và các chất liệu khác.	Nghị định (quản lý, khai thác, phát huy giá trị) không còn được dự thảo nhắc lại.
Điều 13. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2018 và thay thế Thông tư số 18/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. 2. Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm có trách nhiệm tổ chức thực hiện và phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này. 3. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực	**Điều 11. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành** 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026 và thay thế Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. 2. Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.	Sửa đổi: (1) Thông tư mới thay thế Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL (Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL thay thế Thông tư số 18/2013/TT-BVHTTDL); ngày có hiệu lực còn để trống; (2) trách nhiệm tổ chức thực hiện gộp các khoản 2, 3 Điều 13 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL, bổ sung Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bỏ nội dung "phối hợp thanh tra, kiểm tra"; (3) khoản 4 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL chuyển thành khoản 3. Nghị định số 410/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2026 (Điều 12 Nghị định số 410/2026/NĐ-CP); cần bảo đảm thời điểm có hiệu lực của Thông tư phù hợp.

thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. 4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.	3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.	
	Phụ lục Mẫu số 01. Đề án tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật Mẫu số 02. Thể lệ tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật Mẫu số 03. Đề án tổ chức thi sáng tác mẫu phác thảo tượng đài, tranh hoành tráng Mẫu số 04. Thể lệ tổ chức thi sáng tác mẫu phác thảo tượng đài, tranh hoành tráng	Bổ sung mới 04 biểu mẫu theo danh mục Phụ lục: Mẫu số 01, 02 (đề án, thể lệ cuộc thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật) thay cho việc mô tả nội dung đề án, thể lệ tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL; Mẫu số 03, 04 (đề án, thể lệ cuộc thi sáng tác mẫu phác thảo) thay cho nội dung đề án, thể lệ tại điểm b, c khoản 1 Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL. Lưu ý: phần nội dung các mẫu trong dự thảo chưa khớp với danh mục: nội dung vẫn gồm 05 mẫu (Mẫu số 01 là Thông báo, Mẫu số 02 là Đề án, Mẫu số 03 là Thể lệ, Mẫu số 04 là Đề án mẫu phác thảo, Mẫu số 05 là Thể lệ mẫu phác thảo), trong khi danh mục chỉ có 04 mẫu và bỏ Mẫu thông báo; cần đồng bộ số mẫu và nội dung.